CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP PIV

Ngày 31/03/2025	3,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	9.4%	0%

DT thuần
Q1/25
0.07
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.12| -63.6%
YoY: ▼0.82| -92.2%

LN thuần
Q1/25
-0.15
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.14| 49.8%
YoY: ▲ 0.06| 30.7%

LN sau thuế
Q1/25
-0.15
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.14| 48.7%
YoY: ▲ 0.07| 32.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
-215%
YoY: +/-▼ 59.8%

ROE (TTM)
Q1/25
-44.9%
YoY: +/-▼ 0.7%

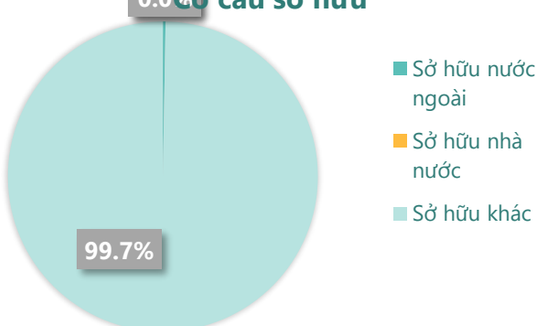
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,800 - 6,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	61
Số lượng CPLH (CP)	17,324,942
KLGD BQ 20 phiên (CP)	160,440
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	
EPS	-54
P/E	-64.9

DT thuần
2024
1.58
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.83| -75.4%

LN thuần
2024
-0.98
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.19| 76.5%

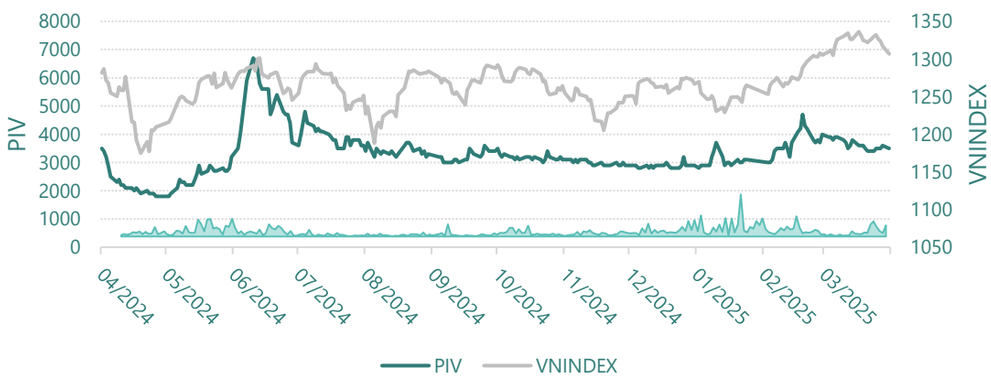
LN sau thuế
2024
-1.01
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.56| 81.8%

Cơ cấu sở hữu

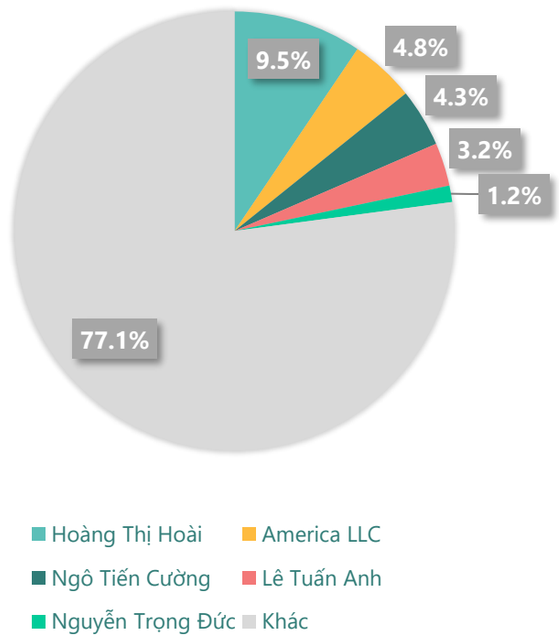


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



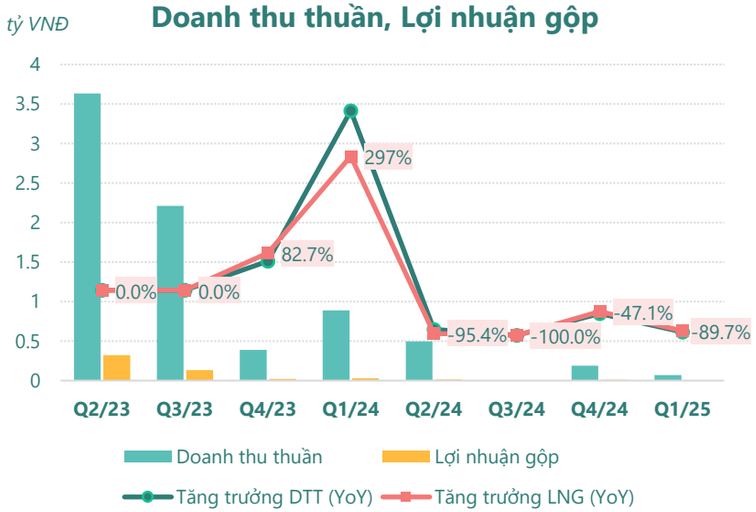
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

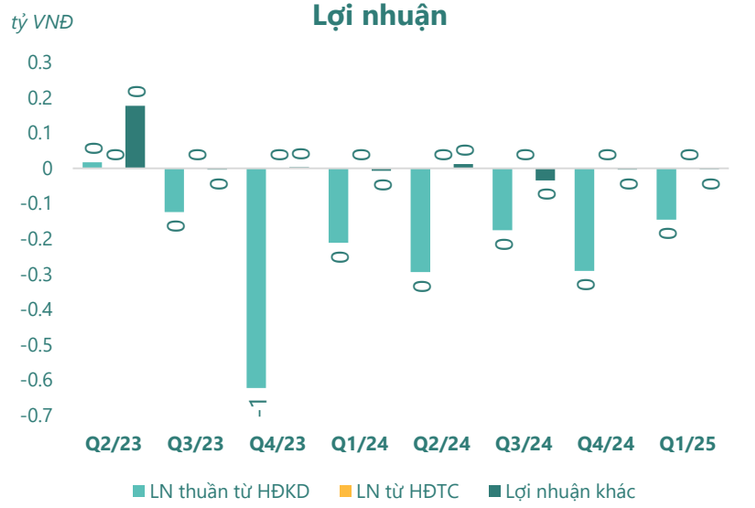
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



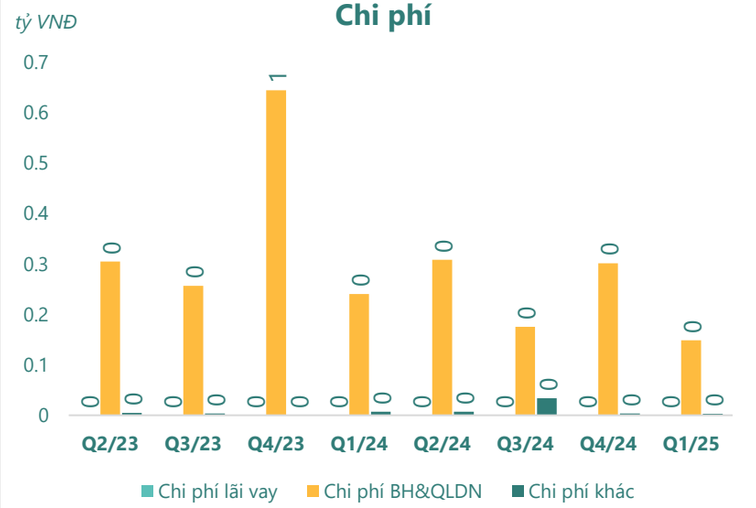
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



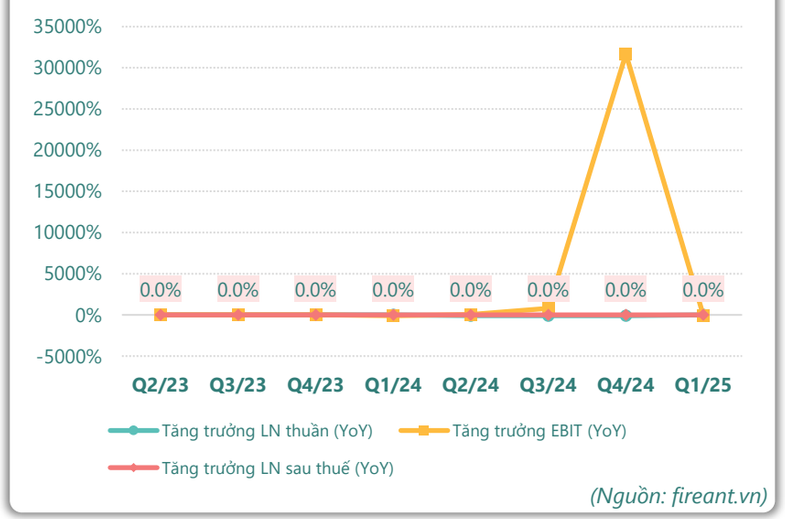
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



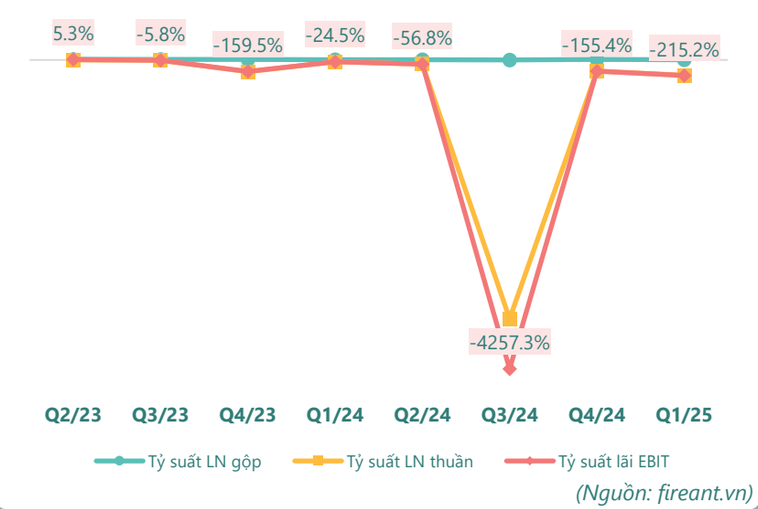
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



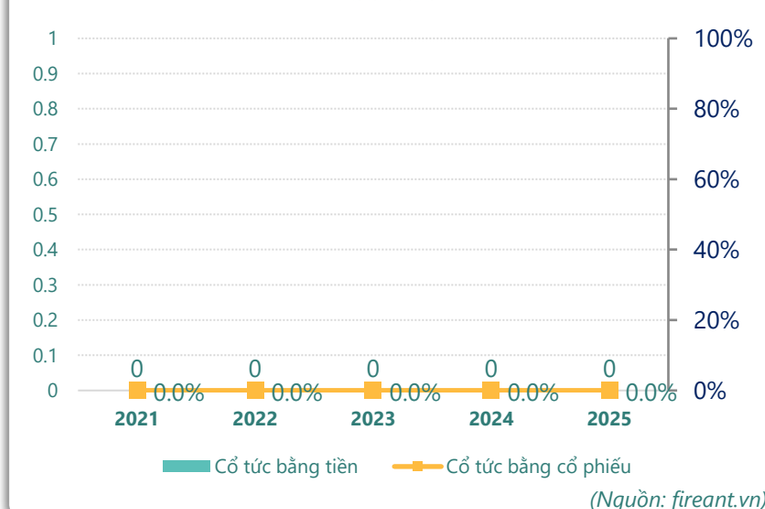
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

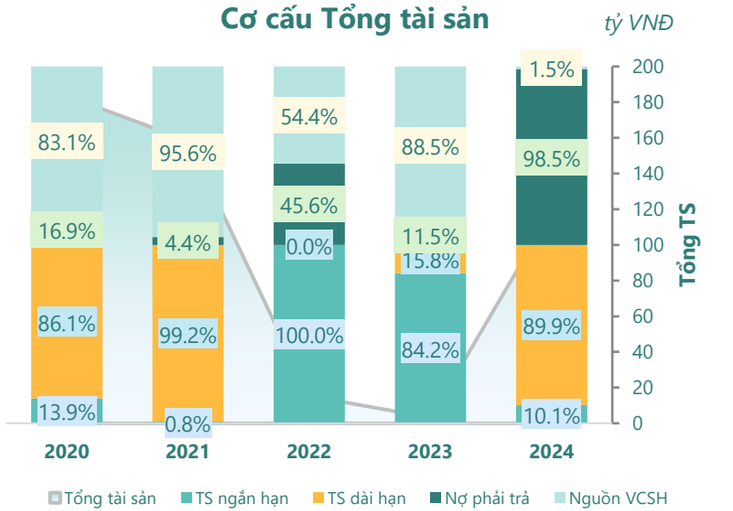
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

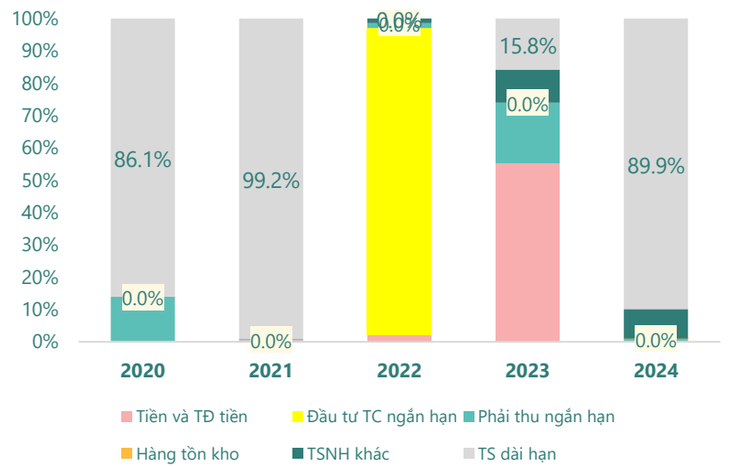
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



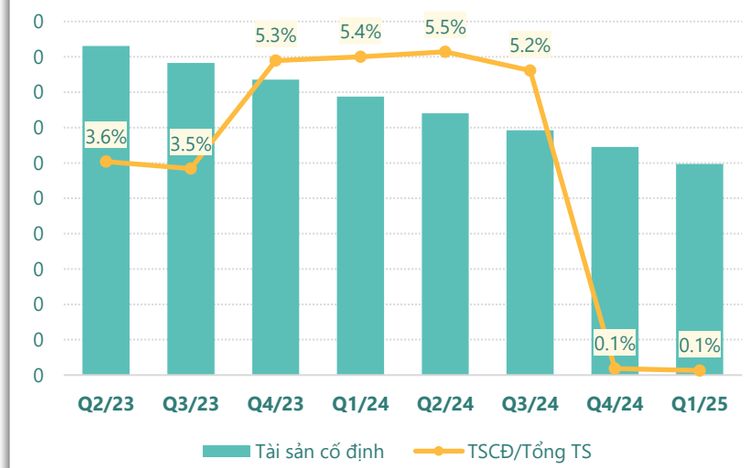
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



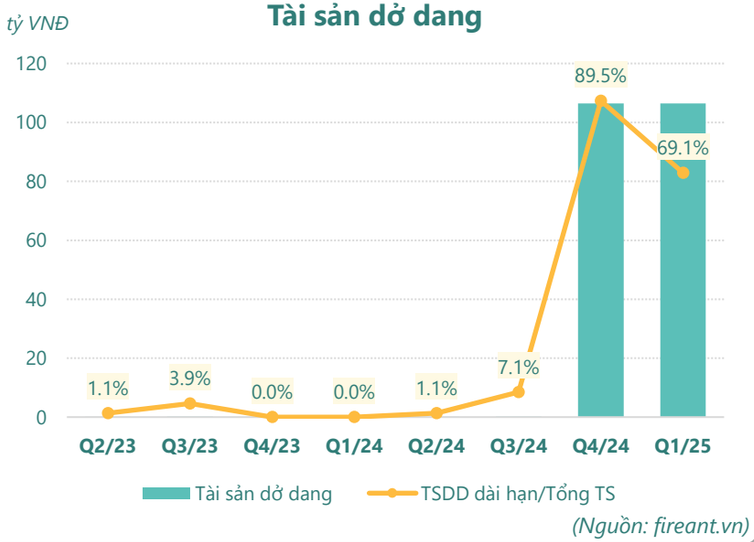
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



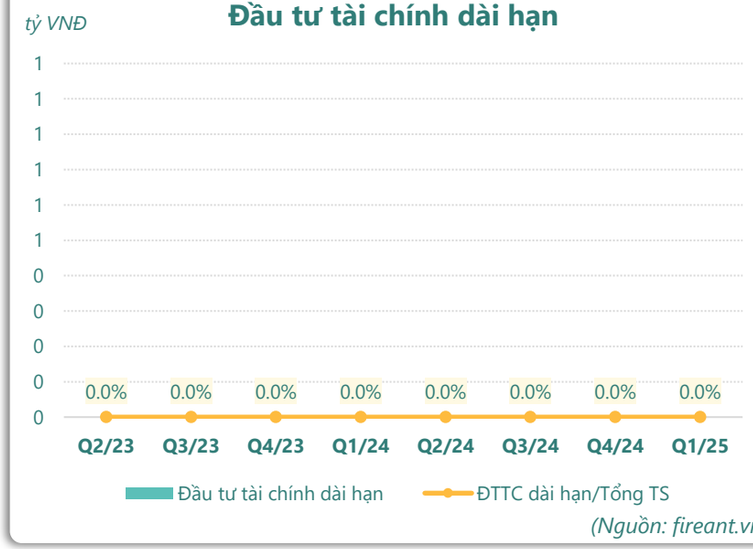
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



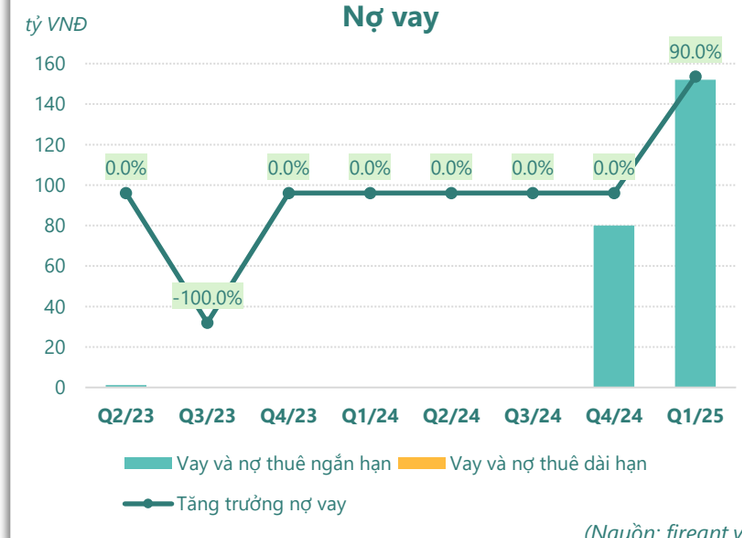
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

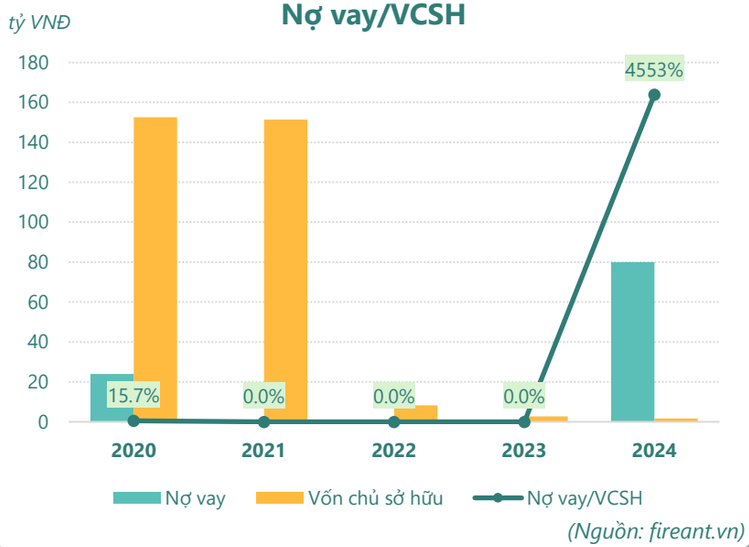
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

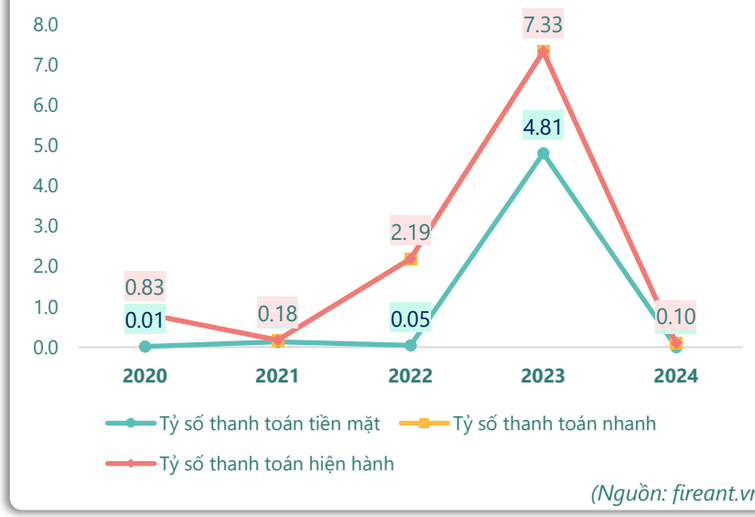
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



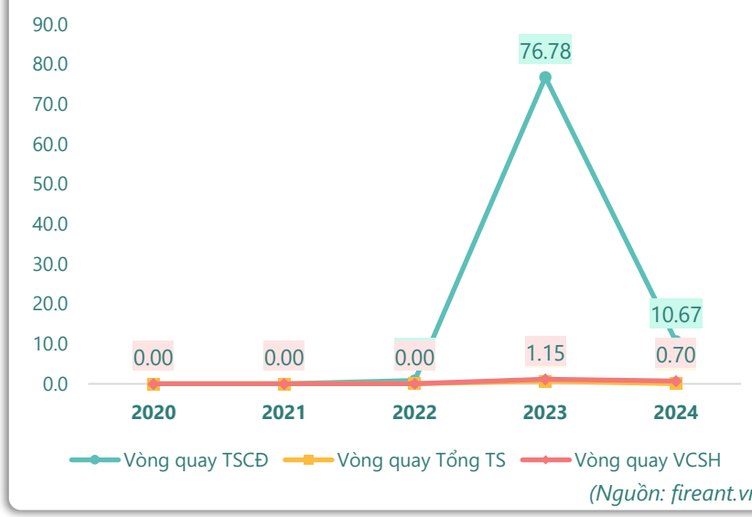
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



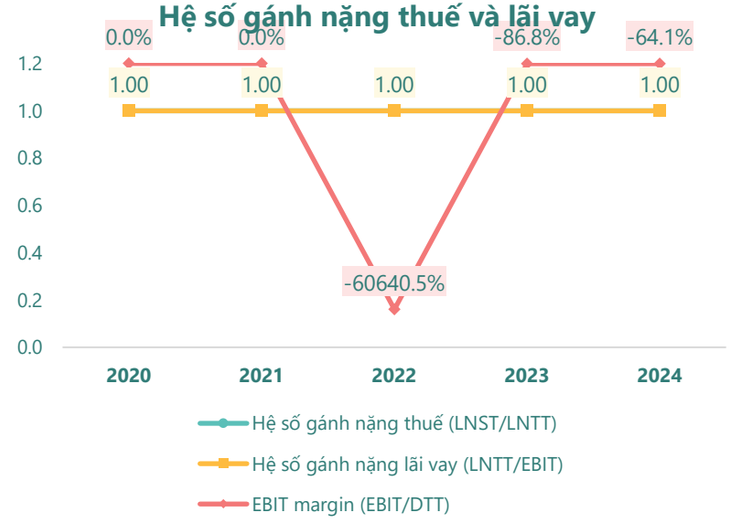
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



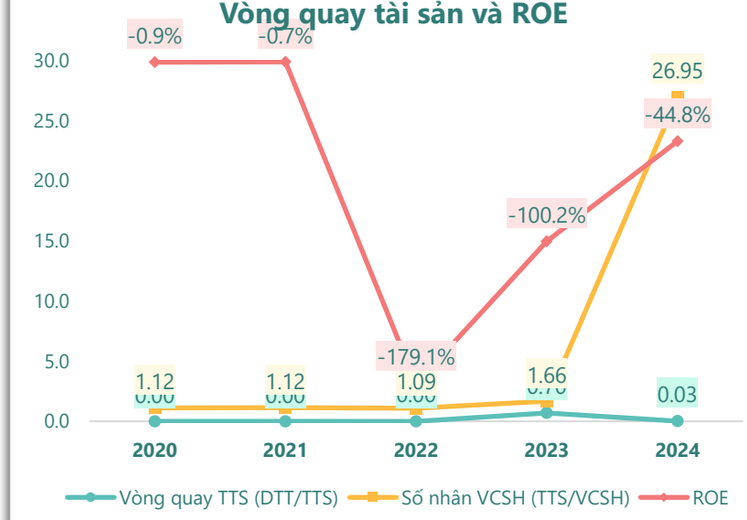
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



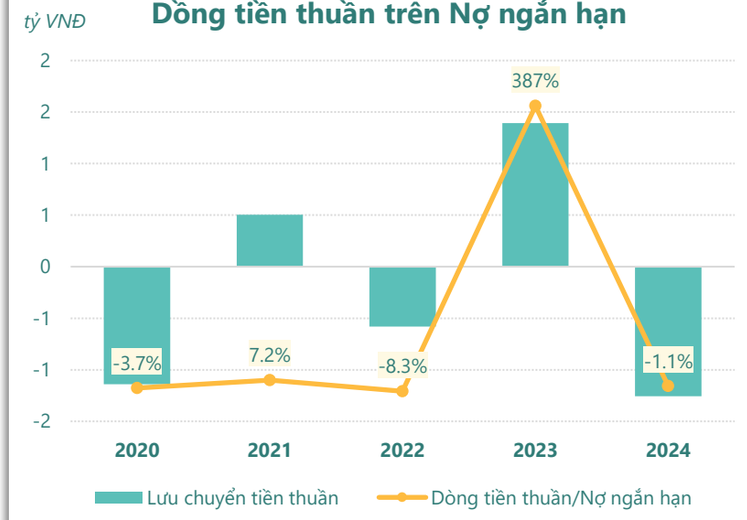
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.07**	**0.89**	**-92.2%**	**1.58**	**6.41**	**-75.4%**
Giá vốn hàng bán	0.07	0.86	-92.3%	1.52	5.93	-74.3%
Lợi nhuận gộp	0.00	0.03	-89.9%	0.06	0.48	-88.5%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	-55.9%
Chi phí TC	0	0.00		0	2.99	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.15**	**0.24**	**-38.1%**	**1.04**	**1.65**	**-37.3%**
LN thuần từ HĐKD	-0.15	-0.21	30.7%	-0.98	-4.17	76.5%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**-0.01**	**68.2%**	**-0.03**	**-1.40**	**97.7%**
LN trước thuế	-0.15	-0.22	32.4%	-1.01	-5.57	81.8%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.15**	**-0.22**	**32.4%**	**-1.01**	**-5.57**	**81.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.15**	**-0.22**	**32.4%**	**-1.01**	**-5.57**	**81.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.17	-1.26	0.66	-1.06	-79.6	-72.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0	0	0.00	0.00	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	80.0	72.0
Tiền đầu kỳ	1.55	1.73	0.47	1.13	0.07	0.47
Lưu chuyển tiền thuần	**0.17**	**-1.26**	**0.66**	**-1.06**	**0.40**	**-0.16**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.73	0.47	1.13	0.07	0.47	0.31

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**154**	**119**	**29.6%**
Tài sản ngắn hạn	47.3	12.1	292%
Tiền và tương đương tiền	0.31	0.47	-33.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	36.0	0.63	5578%
Hàng tồn kho	0.07	0.04	52.0%
Tài sản ngắn hạn khác	10.9	10.9	0.2%
Tài sản dài hạn	**107**	**107**	**-0.1%**
Phải thu dài hạn	0.08	0.08	0.0%
Tài sản cố định	0.12	0.13	-7.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	106	106	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.19**	**0.24**	**-19.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	152	117	30.1%
Nợ ngắn hạn	**152**	**117**	**30.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	152	80.0	90.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.12	36.7	-99.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1.61**	**1.76**	**-8.5%**
Vốn chủ sở hữu	**1.61**	**1.76**	**-8.5%**
Vốn điều lệ	173	173	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)